

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa, ngày 19 tháng 7 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Mã Chứng khoán: TNC

Trụ sở chính: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823119

Fax: 0643 823120

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823121

Fax: 0643 823120

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý II/2016

Thông tin này đã được công bố trên website của TRC tại địa chỉ: <https://www.trcbrvt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2016

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195,152,586,264	187,893,203,501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		168,134,867,099	154,470,970,498
Tiền	111		38,134,867,099	44,122,382,428
Các khoản tương đương tiền	112		130,000,000,000	110,348,588,070
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	10,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	10,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5,855,371,613	6,446,727,639
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7,834,342,721	9,204,761,576
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,700,544,000	1,387,533,200
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		2,534,197,627	2,157,357,638
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6,213,712,735)	(6,302,924,775)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,775,527,668	16,970,989,667
Hàng tồn kho	141		4,121,030,332	19,461,216,197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(345,502,664)	(2,490,226,530)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,386,819,884	4,515,697
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,416,997,042	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,145,876	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1,942,676,966	4,515,697
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135,347,348,010	133,186,178,569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42,716,370,945	43,646,273,930
Tài sản cố định hữu hình	221		42,461,370,946	43,362,940,597
Nguyên giá	222		99,282,346,861	97,766,785,336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56,820,975,915)	(54,403,844,739)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		254,999,999	283,333,333
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85,000,001)	(56,666,667)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		64,752,229,859	61,557,809,669
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		144,253,178	144,253,178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64,607,976,681	61,413,556,491
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,067,571,502	1,170,919,266
Chi phí trả trước dài hạn	261		402,785,058	490,143,708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		664,786,444	680,775,558
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		330,499,934,274	321,079,382,070
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26,357,951,459	18,640,367,961
I. Nợ ngắn hạn	310		26,357,951,459	18,640,367,961
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,224,312,819	1,320,230,406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,000	1,670,000,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		263,400	1,620,300,359
Phải trả người lao động	314		1,109,686,911	5,755,085,123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3,765,032,022	3,454,281,563
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		11,832,954,426	2,406,325,420
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		200,000,000	200,000,000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		7,593,101,881	2,214,145,090
Quỹ bình ố giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

30
ĐƠN
TÀI
KIỂM
T. E

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304,141,982,815	302,439,014,109
I. Vốn chủ sở hữu	410		304,141,982,815	302,439,014,109
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		91,957,636,159	88,326,440,768
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,684,346,656	21,612,573,341
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		431,360,950	21,612,573,341
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,252,985,706	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		330,499,934,274	321,079,382,070

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,988,510,800	24,666,345,286	26,496,792,420	39,917,061,186
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	11,988,510,800	24,666,345,286	26,496,792,420	39,917,061,186
11	Giá vốn hàng bán	11,319,314,959	24,230,730,331	24,271,151,710	39,089,257,481
20	Lợi nhuận gộp	669,195,841	435,614,955	2,225,640,710	827,803,705
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19,617,869,354	1,685,405,708	20,646,108,568	2,402,643,266
22	Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	21,061,220	28,942,680	33,861,220	39,742,680
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,318,405,770	3,574,345,484	4,090,333,223	5,006,677,397
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17,947,598,205	(1,482,267,501)	18,747,554,835	(1,815,973,106)
31	Thu nhập khác	16,407,273	14,698,352,709	827,216,623	23,884,102,709
32	Chi phí khác	32,542,045	10,100,989,123	59,827,583	11,847,935,794
40	Lợi nhuận khác	(16,134,772)	4,597,363,586	767,389,040	12,036,166,915
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17,931,463,433	3,115,096,085	19,514,943,875	10,220,193,809
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(95,133,026)	287,451,414	245,969,055	1,895,865,622
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8,740,000	-	15,989,114	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18,017,856,459	2,827,644,671	19,252,985,706	8,324,328,187
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	936	-	1,000	432
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	936	-	1,000	432

Chưa

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2016

101 2016 07 12/11

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		19,514,943,875	10,220,193,809
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,441,903,976	2,882,059,147
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(2,233,935,906)	(1,104,208,754)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21,317,788,568)	(19,788,550,923)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1,594,876,623)	(7,790,506,721)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1,684,739,079)	(3,686,493,809)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		15,340,185,865	673,203,463
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(4,809,342,850)	14,979,147,344
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(5,329,638,392)	(4,145,621,130)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,722,334,498)	(3,346,727,061)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,142,499,675)	(2,450,930,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,943,245,252)	(5,767,927,914)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4,709,981,715)	(6,789,074,660)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		13,680,000	23,521,960,698
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,304,108,568	2,671,855,594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16,607,806,853	19,404,741,632
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(665,000)	(9,590,895,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(665,000)	(9,590,895,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		13,663,896,601	4,045,918,718
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		154,470,970,498	144,159,013,233
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		168,134,867,099	148,204,931,951



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2016 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Lê Danh	BRVT, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.220.098.693	968.651.816
- Tiền gửi ngân hàng	36.914.768.406	43.153.730.612
- Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	110.348.588.070
Tổng cộng:	168.134.867.099	154.470.970.498

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	630.845.047		630.845.047
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	15.318.716		15.318.716
Tại quỹ NTCS Phong Phú	59.983.746		59.983.746
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	73.233.626		73.233.626
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	440.717.558		440.717.558
Tổng cộng:	1.220.098.693	-	1.220.098.693

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	10.593.129.297	56.393.066	10.649.522.363
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1.519.917.868		1.519.917.868
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	23.721.455.046		23.721.455.046
VietinBank - PGD Bà Rịa	1.023.873.129		1.023.873.129
Tổng cộng:	36.858.375.340	56.393.066	36.914.768.406

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	130.000.000.000	110.348.588.070
Tổng cộng:	130.000.000.000	110.348.588.070

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000	
b2) Dài hạn						

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704		26.811.175.704	26.811.175.704		26.811.175.704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.830.990.491	9.172.463.786
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.219.180.000	4.219.180.000
Công ty TNHH Ngân Phong Phú		943.950
Nguyễn Thị Thu Hồng	6.143.970	92.148.840
Huỳnh Thị Thanh Hương	1.053.150	
Công ty TNHH TM-DV Hai Sơn		187.360.595
Công ty Cổ phần Long Sơn	923.108.970	1.329.469.756
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	51.980.500	163.020.000
Công ty TNHH MTV SX Dầu Điều Hùng Lộc	53.112.500	
Công ty TNHH SX-TM-DV Thành Lợi	30.850.000	
DNTN TM Tuyết Sơn	56.137.500	
Công ty TNHH Thành Lợi	812.711.166	1.412.711.166
Các khách hàng là Đại lý bán cảm	1.676.712.735	1.767.629.479
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.352.230	32.297.790
Tổng cộng:	7.834.342.721	9.204.761.576

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.700.544.000	1.387.533.200
Nguyễn Văn Cang	306.900.000	306.900.000
Công ty CP Đất Đỏ	1.258.400.000	1.058.400.000
Công ty TNHH TM XNK Hoàng Gia Phát		12.993.200
Công ty TNHH DV XD Thành Huy		9.240.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Như Thịnh	115.244.000	
Nguyễn Tri Phương	20.000.000	
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	1.700.544.000	1.387.533.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.534.197.627	317.820.000	2.157.357.638	317,820,000
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317,820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	665.940.690		369.909.421	
Trợ cấp ốm đau, thai sản phải thu			843.911	
Lãi tiền gửi phải thu			658.000.000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát	38.500.000		298.500.000	
Phải thu thuế TNCN người lao động	20.302.210		249.064.978	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	62.000.000		42.300.000	
Phải thu tiền tạm ứng lương	1.401.360.440			
Tiền ký quỹ	5.000.000		155.000.000	
Phải thu khác	23.274.287		7.000.000	
Phải thu BHXH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			58.919.328	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	2.534.197.627	317.820.000	2.157.357.638	317,820,000

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.213.712.735	6.302.924.775
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.537.000.000	4.537.000.000
Trần Thị Nhiều	2.000.000	11.457.140
Nguyễn Thị Kỳ	1.000.000	1.000.000
Mai Công Bài	-	12.554.900
Nguyễn Thị Sáu	14.104.360	14.104.360
Dương Thị Yến	80.000.000	90.000.000
Lê Ngọc Tùng	111.364.340	126.364.340
Dương Minh Chiến	52.379.160	52.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Mùi	94.290.000	94.290.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.715.235	60.215.235
Lê Văn Tuy	55.000.000	55.000.000
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Trại Gà Vũ Thị Hồng Loan	26.079.750	26.079.750
Nguyễn Thanh Tự	62.800.000	65.500.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	264.776.700	264.776.700
Lê Hữu Vinh	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Thanh Quang	38.450.000	43.450.000
Phạm Ngọc Dũng	23.366.740	24.366.740
Ngô Văn Bu	487.712.200	502.712.200
Dương Văn Lợi	240.000.750	255.000.750
Nguyễn Thanh Hải	26.870.000	29.870.000
Nguyễn Thái Hùng	17.000.000	17.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Tổng cộng:	6.213.712.735	6.302.924.775

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tổng cộng:				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.315.915.154	345.502.664	1.067.897.179	345.502.664
- Công cụ, dụng cụ	1.286.342.659	-	682.475.406	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.092.989.692	-	209.340.000	-
- Thành phẩm	423.552.827	-	17.479.673.612	2.144.723.866
- Hàng hoá	2.230.000	-	21.830.000	-
Tổng cộng:	4.121.030.332	345.502.664	19.461.216.197	2.490.226.530

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	144.253.178	144.253.178	144.253.178	144.253.178
Vườn ươm bầu tại NTCS Hoà Bình 2	144.253.178	144.253.178	144.253.178	144.253.178
Vườn ươm bầu tại NTCS Phong Phú				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	64.607.976.681	64.607.976.681	61.413.556.491	61.413.556.491
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	9.590.378.460	9.590.378.460	10.822.712.522	10.822.712.522
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	55.017.598.221	55.017.598.221	50.590.843.969	50.590.843.969
Chi phí xây dựng cơ bản khác				
Tổng cộng:	64.752.229.859	64.752.229.859	61.557.809.669	61.557.809.669

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	36.690.570.430	97.766.785.336
- Mua trong năm						-
- Đầu tư XD CB					1.515.561.525	1.515.561.525
- Tặng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	38.206.131.955	99.282.346.861
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
- Khấu hao	1.047.775.902	581.180.098	17.871.666	7.880.038	762.423.472	2.417.131.176
- Tặng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	31.563.744.507	12.356.972.673	3.631.201.496	1.084.142.282	8.184.914.957	56.820.975.915
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597
- Tại ngày cuối kỳ	8.083.609.277	4.259.762.621	88.902.012	7.880.038	30.021.216.998	42.461.370.946

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm 01/01/2016	340.000.000
Số dư cuối kỳ 30/06/2016	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm 01/01/2016	56.666.667
- Khấu hao trong năm	28.333.334
Số dư cuối kỳ 30/06/2016	85.000.001
Giá trị còn lại	
- Tại ngày đầu năm	283.333.333
- Tại ngày cuối kỳ	254.999.999

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	6.733.703.644	1.316.706.602	5.416.997.042
- Khấu hao tài sản cố định	-	2.282.829.954	515.786.291	1.767.043.663
- Tiền thuê đất nông nghiệp	-	1.266.183.400	194.168.100	1.072.015.300
- Chi phí bảo hiểm	-	1.157.024.020	165.405.697	991.618.323
- Chi phí khác	-	2.027.666.270	441.346.514	1.586.319.756
b. Chi phí trả trước dài hạn	490.143.708	81.855.080	169.213.730	402.785.058
- Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	490.143.708	81.855.080	169.213.730	402.785.058
Tổng cộng:	490.143.708	6.815.558.724	1.485.920.332	5.819.782.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	27.145.876	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	27.145.876	
b) Dài hạn	664.786.444	680.775.558
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	664.786.444	
+ Dự phòng phải trả phí dịch vụ pháp lý theo hợp đồng số 02/2015/VPLS-TN	40.000.000	40.000.000
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN	320.727.273	320.727.273
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	304.059.171	320.048.285
Tổng cộng:	691.932.320	680.775.558

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.224.312.819	1.224.312.819	1.320.230.406	1.320.230.406
Nguyễn Thành Trung	31.740.000	31.740.000	31.740.000	31.740.000
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh	39.721.000	39.721.000	158.680.000	158.680.000
Công ty CP BVTV Sài Gòn	117.244.744	117.244.744		
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	47.279.400	47.279.400		
Công ty TNHH Tín Thành	70.720.000	70.720.000		
Nguyễn Thị Nga			111.067.146	111.067.146
Nguyễn Thị Hạnh	102.376.690	102.376.690	139.028.571	139.028.571
Nguyễn Thị Tuyết	124.491.320	124.491.320	162.977.760	162.977.760
Công ty TNHH SX TM DV Mỹ Anh An	93.170.000	93.170.000		
DNTN Bá Phúc	-	-	52.350.919	52.350.919
Công ty TNHH Vạn Phúc	529.000.000	529.000.000	579.789.595	579.789.595
Công ty TNHH Thạch Bằng	70.000.000	70.000.000	86.026.750	86.026.750
Công ty TNHH TM SX Mỹ Nông	(1.430.335)	(1.430.335)	(1.430.335)	(1.430.335)
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-CV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty CP Thắng Lợi - Bình Thuận		1.037.400.000
Tổng cộng:	632.600.000	1.670.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	640.120.152	1.058.077.117	(1.698.197.269)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	725.484.107	245.969.055	(2.722.334.498)	(1.750.881.336)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(4.515.697)	(102.146.788)	(31.348.423)	(138.010.908)
Thuế tài nguyên	798.400	939.600	(1.474.600)	263.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	253.897.700	3.156.619.433	(3.464.301.855)	(53.784.722)
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.864.432	(3.864.432)	-
Tổng cộng:	1.615.784.662	4.372.322.849	(7.930.521.077)	(1.942.413.566)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	4.515.697			1.942.676.966
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.620.300.359			263.400

(*) Tiền thuế TNCN phải nộp âm là do điều chỉnh giảm số thuế TNCN năm 2015 theo quyết toán với số tiền là 205.490.208, đồng

18. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương	1.109.686.911	5.755.085.123
Tổng cộng:	1.109.686.911	5.755.085.123

19. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.765.032.022	3.454.281.563
Tiền ăn giữa ca	-	107.100.500
- NTCS Phong Phú		27.690.000
- NTCS Hòa Bình		64.870.000
- Nhà máy CBM Bàu Non		9.555.000
- Nhà máy CBM Phong Phú		4.985.500
Tiền thuê đất	1.597.544.699	1.597.544.699
Chi phí thuê xe	-	96.000.000
Chi phí kiểm toán BCTC		50.000.000
Chi phí trích lập, đo vẽ bản đồ đất	1.603.636.364	1.603.636.364
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	444.400.000	
Chi phí gia công điều nhân	119.450.959	
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	3.765.032.022	3.454.281.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	11.832.954.426	2.406.325.420
Kinh phí công đoàn		
Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	470.740.161	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	232.588.250	217.730.000
<i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21.700.000	21.700.000
<i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49.200.000	49.200.000
<i>DNTN Lê Lê Khánh</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16.695.000	16.695.000
<i>DNTN Dương Hải</i>	3.135.000	3.135.000
<i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	14.858.250	14.858.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.750.645.268	1.126.310.268
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Công ty CP Sông Đà 11.5		800.000.000
Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trợ cấp OĐTS	19.553.845	
Ký quỹ dự thầu	112.000.000	
b) Dài hạn	-	-
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
Tổng cộng:	11.832.954.426	2.406.325.420

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý	200.000.000			200.000.000
Tổng cộng:	200.000.000	-	-	200.000.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	1.689.504.118	5.183.511.900	1.434.500.000	5.438.516.018
- Quỹ phúc lợi	517.519.903	2.221.505.100	707.999.675	2.031.025.328
- Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	7.121.069	-	3.560.534	3.560.535
- Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	120.000.000		120.000.000
Tổng cộng:	2.214.145.090	7.525.017.000	2.146.060.209	7.593.101.881

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
- Lãi trong năm nay			12.892.482.573	12.892.482.573
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
- Trích lập quỹ KT-PL			(2.565.203.717)	(2.565.203.717)
- Trích lập quỹ KTBĐH			(100.000.000)	(100.000.000)
- Chia cổ tức			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
- Giảm khác		(515.954.688)		(515.954.688)
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
- Lãi trong năm nay			19.252.985.706	19.252.985.706
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		3.631.195.391	(3.631.195.391)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi năm 2015			(7.405.017.000)	(7.405.017.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2015			(120.000.000)	(120.000.000)
- Chia cổ tức năm 2015			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & BKS 2015			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	91.957.636.159	19.684.346.656	304.141.982.815

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98,175,000,000	98,175,000,000
- Cổ đông khác (49%)	94,325,000,000	94,325,000,000
Cộng	192,500,000,000	192,500,000,000

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,250,000	19,250,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,250,000</i>	<i>19,250,000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,250,000</i>	<i>19,250,000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)	2.513,06	2.511,13
Nợ khó đòi đã xử lý		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	7.889.630.300	21.447.797.500
Doanh thu gia công mũ cao su	10.047.000	9.694.100
Doanh thu gia công điều	3.527.039.900	3.173.319.400
Doanh thu khác	561.793.600	35.534.286
Tổng cộng:	11.988.510.800	24.666.345.286

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng:	0	0

3. Doanh thu thuần	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	7.889.630.300	21.447.797.500
Doanh thu gia công mũ cao su	10.047.000	9.694.100
Doanh thu gia công điều	3.527.039.900	3.173.319.400
Doanh thu khác	561.793.600	35.534.286
Tổng cộng:	11.988.510.800	24.666.345.286

4. Giá vốn hàng bán	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	8.664.185.116	21.157.166.225
Giá vốn gia công mũ cao su	9.355.167	9.389.044
Giá vốn gia công điều	3.067.073.874	3.110.380.042
Giá vốn khác	496.235.874	(46.204.980)
Tổng cộng:	12.236.850.031	24.230.730.331
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	(917.535.072)	
Tổng cộng:	11.319.314.959	24.230.730.331

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.223.803.354	1.685.405.708
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.394.066.000	
Tổng cộng:	19.617.869.354	1.685.405.708

6. Chi phí tài chính	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Tổng cộng:	0	0

7. Chi phí bán hàng	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí bốc xếp mũ cao su xuất bán	21.061.220	28.942.680
Tổng cộng:	21.061.220	28.942.680

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí nhân viên	1.050.574.260	1.612.098.720
Chi phí khấu hao tài sản	52.251.475	52.181.975
Thuế, phí và lệ phí	-	3.238.428
Chi phí trợ cấp thôi việc	747.959.945	943.585.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	516.320.090	963.241.111
Dự phòng (Hoàn) nợ phải thu khó đòi	(48.700.000)	
Tổng cộng:	2.318.405.770	3.574.345.484

9. Thu nhập khác	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định khác	-	1.632.894.709
Thu từ thanh lý vườn cây cao su	-	13.045.428.000
Thu từ bán cây cao su gãy đổ	13.680.000	20.030.000
Thu khác	2.727.273	
Tổng cộng:	16.407.273	14.698.352.709

10. Chi phí khác	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý tài sản cố định khác		2.286.548.300
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý vườn cây cao su		2.717.194.030
Giá trị còn lại cây cao su gãy đổ		
Chi phí khác	32.542.045	5.097.246.793
Tổng cộng:	32.542.045	10.100.989.123

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.017.856.459	2.827.644.671
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	18.017.856.459	2.827.644.671
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	936	147

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	701.219.510	1.319.438.939
- Chi phí nhân công	3.897.656.716	4.611.987.074
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.193.666.452	1.259.364.402
- Chi phí khác	294.392.519	2.044.830.790
Tổng cộng:	6.086.935.197	9.235.621.205

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**Thu nhập của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ:*

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị	05			51.000.000	51.000.000
- Ban Kiểm soát	03			21.000.000	21.000.000
- Ban Giám đốc, - Kế toán trưởng	03	117.000.000			117.000.000
Cộng		117.000.000	0	72.000.000	189.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý II năm 2016 (đồng)
Châu Thị Hồng Diệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGĐ	
- Công ty nhận gia công cao su RSS		3.352.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý II năm 2016 (đồng)
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	
- Công ty thuê xe		36.000.000
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Giám đốc là thành viên HĐQT	
- Công ty mua phân hữu cơ		546.315.000
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn	
- Công ty bán cây cao su gây đổ		13.680.000

⇒ Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Châu Thị Hồng Điệp	3.352.230	0

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non; Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT QUÝ II NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Doanh thu thuần	7.899.677.300	4.088.833.500	11.988.510.800
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3. Khấu hao	1.145.188.126	75.763.862	1.220.951.988
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.428.840.681	502.622.752	17.931.463.433
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	3.341.267.073		3.341.267.073
6. Tài sản bộ phận	326.793.764.877	3.706.169.397	330.499.934.274
7. Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	326.793.764.877	3.706.169.397	330.499.934.274
8. Nợ phải trả bộ phận	25.803.338.447	554.613.012	26.357.951.459
9. Nợ phải trả không bộ phận			
Tổng Nợ phải trả	25.803.338.447	554.613.012	26.357.951.459

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác: Tại Khoản 4 - Điều 11 – Chương III, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính quy định: *Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:*

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT XIN GIẢI TRÌNH NHƯ SAU:

Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2016 đạt 18.017.856.459 đồng tăng hơn so với Quý II năm 2015 là 15.190.211.788 đồng, tương ứng mức tăng 5,37 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 17.932.463.646 đồng do Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Nông Lâm Sản Và Phân Bón Bà Rịa trả cổ tức năm 2014 và 2015;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1.255.939.714 đồng do tiết kiệm chi phí;
- Lợi nhuận khác giảm 4.613.498.358 đồng chủ yếu là do trong Quý II năm 2016 Công ty không có hoạt động thanh lý vườn cây cao su.

Bà Rịa, ngày 18 tháng 7 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Nhật Thành Lâm

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Hữu Minh Phương